

Số: 07 /BC-HĐND

Quảng Trị, ngày 10 tháng 4 năm 2012

## BÁO CÁO

### Thẩm tra của Ban Văn hoá Xã hội HĐND tỉnh Tại kỳ họp thứ 4, HĐND tỉnh khoá VI

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật tổ chức HĐND&UBND, sau khi nghiên cứu đề án “Giảm nghèo bền vững các xã, thôn, bản vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có tỷ lệ hộ nghèo cao” kèm theo Tờ trình số 814/TTr-UBND ngày 30/03/2012; Đề án “Đặt tên, đổi tên và điều chỉnh tên đường thành phố Đông Hà năm 2011” kèm theo Tờ trình số 750/TTr-UBND ngày 27/3/2012; Đề án “Chương trình mục tiêu việc làm-dạy nghề tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2012-2015” kèm theo Tờ trình số 847/TTr-UBND ngày 04/4/2012; Báo cáo “Sửa đổi Nghị quyết 05/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển sự nghiệp văn hoá, thể dục, thể thao, xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở và phát triển thể thao thành tích cao đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020” kèm theo Tờ trình số 767/TTr-UBND ngày 27/03/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh, các văn bản pháp luật liên quan và căn cứ kết quả các đợt giám sát, làm việc với một số đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh, Ban Văn hóa Xã hội HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

#### **A. Về đề án Giảm nghèo bền vững các xã, thôn, bản vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có tỷ lệ hộ nghèo cao**

##### **I. Về sự cần thiết phải ban hành đề án**

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách liên quan đến vùng đồng bào dân tộc và đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân một số xã, thôn, bản vùng sâu vùng xa vẫn còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Vì vậy việc ban hành đề án “Giảm nghèo bền vững các xã, thôn, bản vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có tỷ lệ hộ nghèo cao” là cần thiết để nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho đồng bào dân tộc, phấn đấu cho mục tiêu xóa đói, giảm nghèo bền vững, bảo đảm an ninh - trật tự khu vực biên giới, vùng đồng bào dân tộc, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng miền trên địa bàn toàn tỉnh.

##### **II. Về nội dung đề án:**

Ban VHXH HĐND tỉnh cơ bản thống nhất và có một số ý kiến như sau:

##### **1. Về đánh giá thực trạng**

Đề án chưa đánh giá sâu về thực trạng, nguyên nhân đói nghèo và kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu 134, 135, 167, chưa có sự phân tích, so sánh giữa các mục tiêu, chỉ tiêu xóa đói giảm nghèo đã đề ra với thực tế, chưa tổng hợp, đánh giá đầy đủ hiệu quả của việc đầu tư các lĩnh vực cơ bản từ trước đến nay ở các

xã, thôn bản trong phạm vi đề án. Vì các mục tiêu, chỉ tiêu này phản ánh sự phát triển kinh tế xã hội của các xã, thôn, bản trong quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan, nếu đánh giá đúng thực trạng sẽ có những giải pháp thiết thực, đồng bộ và có tính khả thi nhằm tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và xây dựng các chương trình đầu tư có hiệu quả cho sự nghiệp xoá đói giảm nghèo bền vững.

## **2. Về phần chỉ tiêu cụ thể**

Ban VHXX nhận thấy cần đưa các chỉ tiêu phù hợp với các danh mục đầu tư để đảm bảo tính hiệu quả của Nghị quyết (Ví dụ: Không cần đưa chỉ tiêu về cơ bản không còn hộ dân ở nhà tạm). Nên đưa các chỉ tiêu như: Thu nhập bình quân đầu người, giảm tỷ lệ hộ nghèo vào phần một số chỉ tiêu cụ thể.

Đề nghị xem xét lại chỉ tiêu 100% thôn, bản có lớp mẫu giáo, nhà trẻ vì theo đề án thì có 9 xã và 23 thôn, bản thuộc các huyện Hướng Hoá, Vĩnh Linh, Gio Linh thụ hưởng đề án đều là các xã, thôn, bản miền núi nghèo, đặc biệt khó khăn nên chỉ tiêu này đưa ra là quá cao, khó đạt được.

## **3. Về những định hướng giảm nghèo bền vững**

Để giảm nghèo bền vững các vùng đồng bào dân tộc, ngoài những định hướng đã nêu, cần chú trọng quy hoạch sử dụng đất và giao đất sản xuất cho nhân dân ở các xã thiếu đất sản xuất gắn với các giải pháp hỗ trợ đẩy mạnh sản xuất, hướng đến xây dựng các mô hình kinh tế; đẩy mạnh các hoạt động nâng cao trình độ dân trí, đào tạo kỹ năng lao động, sản xuất...

## **4. Về nội dung đầu tư và nguồn vốn**

Đề nghị đưa vào Nghị quyết với tổng kinh phí thực hiện đề án là: **177.188,05 triệu đồng**, trong đó ngân sách địa phương là **29.094,05 triệu đồng**.

## **5. Về giải pháp và tổ chức thực hiện**

Đề nghị bổ sung giải pháp về chỉ đạo thực hiện thống nhất một đầu mối quản lý các nguồn vốn để thực hiện lồng ghép các chương trình một cách hiệu quả, hạn chế tình trạng các chương trình, dự án đầu tư dàn trải, lãng phí.

Ban VHXX HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết “Giảm nghèo bền vững các xã, thôn, bản vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có tỷ lệ hộ nghèo cao”.

## **B. Đề án Đặt tên, đổi tên và điều chỉnh tên đường thành phố Đông Hà năm 2011**

### **I. Sự cần thiết của việc đặt tên, đổi tên và điều chỉnh tên đường phố**

Thành phố Đông Hà là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh Quảng Trị, trong những năm qua, thành phố không ngừng phát triển trên mọi lĩnh vực, đã có nhiều khu dân cư mới hình thành, các tuyến giao thông được mở rộng và kéo dài. Tuy nhiên, công tác quy hoạch đặt tên các đường phố vẫn còn nhiều bất cập, nhiều con đường vẫn chưa có tên, trùng tên. Vì vậy, việc đặt tên, đổi tên và điều chỉnh tên đường thành phố Đông Hà là một việc làm thiết thực, góp phần thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính, tạo thuận lợi cho nhân dân, các cơ quan và các tổ chức kinh tế-xã hội trong hoạt động quan hệ giao dịch, đồng thời

giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc cho nhân dân.

## **II. Phương án đặt tên, đổi tên và điều chỉnh tên đường phố:**

Qua nghiên cứu, Ban VHXH nhận thấy đề án cơ bản được chuẩn bị nghiêm túc, kỹ lưỡng, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Nghị quyết số 05/2010/NQ-HĐND ngày 20/4/2010 của HĐND tỉnh về việc Quy định đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, đề án đã có báo cáo thẩm định của Hội đồng tư vấn tỉnh về đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng.

- Đề án xác định đặt tên mới cho 59 tuyến đường phố; đổi tên và điều chỉnh 21 tuyến đường bất hợp lý giữa các Quyết định số 323/QĐ-UB ngày 06/5/1992, Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 13/7/1996 và Quyết định số 897/2002/QĐ-UBND ngày 09/5/2002 của UBND tỉnh Quảng Trị (trong đó bổ sung quyết định về 05 tuyến đường đã có tên trên thực tế nhưng không có trong các quyết định nói trên). Đề án đảm bảo tính khoa học trong việc lựa chọn các danh nhân, nhân vật lịch sử, địa danh có tiểu sử rõ ràng, có công trạng tiêu biểu cho địa phương và cả nước; Đảm bảo được tính thực tiễn, cơ bản giữ được sự ổn định chung, tránh được sự xáo trộn nhiều làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của nhân dân; Đảm bảo tính hợp lý giữa quy mô đường với việc chọn danh nhân, địa danh để đặt tên.

Tuy nhiên, qua thẩm tra, Ban VHXH đề nghị HĐND tỉnh yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh một số vấn đề sau:

- Danh mục tên đường được lấy từ danh mục dữ liệu ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2010/NQ-HĐND ngày 20/4/2010 của HĐND tỉnh nhưng vẫn còn một số sai sót, do vậy đề nghị phải rà soát hoàn chỉnh chính xác và đầy đủ tiểu sử của các danh nhân, nhân vật lịch sử, địa danh được nêu trong đề án như tiểu sử của vua Duy Tân, nhà thơ Lưu Trọng Lư, nhà hoạt động cách mạng Nguyễn Vức...

- Đề nghị chọn tuyến đường khác tương xứng với công trạng và sự cống hiến của đồng chí Thiếu tướng Lê Chương, nguyên Bí thư xứ uỷ Trung kỳ, nguyên Bí thư Tỉnh uỷ thay cho tên đường Lê Chương hiện nay (bắt đầu từ Chùa Bò đề đến đường Lê Quý Đôn) vừa hẹp, vừa ngắn và tuyến đường này hiện nay chưa có trong quyết định đặt tên của UBND tỉnh nhưng đã gắn biển tên đường.

- Qua khảo sát, Ban VHXH nhận thấy trong số 59 tuyến đường cần đặt tên có 04 tuyến đường chưa bảo đảm chiều dài 200m gồm đường Lâm Hoàng, Lê Trinh, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Văn Siêu. Ban VHXH đề nghị HĐND tỉnh xem xét, không thông qua việc đặt tên 4 tuyến đường nói trên để phù hợp với quy định của Nghị quyết số 05/2010/NQ-HĐND ngày 20/4/2010 của HĐND tỉnh đã ban hành.

Ban VHXH đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua nghị quyết “Đặt tên, đổi tên và điều chỉnh tên đường thành phố Đông Hà năm 2011” sau khi chỉnh sửa những điểm chưa phù hợp để triển khai thực hiện nghiêm túc theo luật định.

## **C. Về đề án Chương trình mục tiêu việc làm-dạy nghề tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2012-2015:**

### **I. Về sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết:**

Giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động là những nhiệm vụ quan trọng, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội tỉnh nhà trong thời kỳ công nghiệp hoá-hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

## **II. Về nội dung đề án:**

Ban Văn hóa Xã hội cơ bản thống nhất với các nội dung của đề án, đồng thời có ý kiến như sau:

**1. Về bố cục:** Đề nghị cần sắp xếp lại cho hợp lý để đưa vào nghị quyết, cụ thể gồm các mục sau:

I. Mục tiêu

II. Chỉ tiêu

III. Giải pháp thực hiện

**2. Về mục tiêu:**

- Về tỷ lệ lao động qua đào tạo, trong đó đào tạo nghề từ 32-35%, Ban VHXXH đề nghị nâng tỷ lệ đào tạo nghề từ 33-35% cho phù hợp với chỉ tiêu của Nghị quyết tỉnh Đảng bộ lần thứ XV (nhiệm kỳ 2010-2015) đã đề ra.

**3. Về giải pháp:** Đề nghị nhóm thành những giải pháp chủ yếu như sau để đưa vào nghị quyết của HĐND tỉnh:

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho nhân dân và chính quyền các cấp về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động trên địa bàn.

b) Nâng cao chất lượng quy hoạch và khảo sát công tác đào tạo nghề để có cơ sở nắm chắc các thông tin, số liệu về cung cầu lao động trên địa bàn, công tác đào tạo dạy nghề phải gắn với giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo trên địa bàn.

c) Đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt là chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tích cực tạo việc làm và ngành nghề cho người lao động với mục tiêu tạo nghề có thu nhập ổn định. Xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế điển hình nhằm thu hút người lao động.

d) Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng của các cơ sở dạy nghề, nâng cấp Trường Trung học Nông nghiệp thành Trường Cao đẳng, phát triển các doanh nghiệp để thu hút lực lượng lao động tại chỗ, nhằm mục đích tạo việc làm ổn định, lâu dài cho người lao động trên địa bàn.

e) Đẩy mạnh hiệu quả xuất khẩu lao động ra nước ngoài, có chính sách hỗ trợ thiết thực cho người lao động có nhu cầu đi xuất khẩu lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội tìm việc làm sau khi hết hạn trở về nước.

f) Thực hiện cơ chế chính sách cho người lao động về đào tạo nghề, tạo điều kiện cho người lao động được học những nghề phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

g) Nâng cao công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị, nâng cấp cơ sở vật chất và bố trí đủ giáo viên cơ hữu cho các Trung tâm dạy nghề tổng hợp cấp huyện.

h) Tăng cường công tác phối hợp giám sát, khảo sát, kiểm tra việc thực hiện các chính sách về việc làm và dạy nghề đối với các cơ quan, ban ngành và đoàn thể trên địa bàn.

#### **4. Về tổ chức thực hiện**

Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo thống nhất đầu mối quản lý các nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu việc làm, dạy nghề, nguồn vốn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ để nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách trên địa bàn.

Ban VHXH đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết “Chương trình mục tiêu việc làm-dạy nghề tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2012-2015”.

**D. Về Báo cáo đề xuất Sửa đổi Nghị quyết 05/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển sự nghiệp văn hoá, thể dục, thể thao, xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở và phát triển thể thao thành tích cao đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020:**

#### **I. Về sự cần thiết sửa đổi nghị quyết:**

Sau 3 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2009/NQ-HĐND về phát triển sự nghiệp văn hoá, thể dục thể thao, xây dựng thiết chế văn hoá, thể dục, thể thao cơ sở và phát triển thể thao thành tích cao đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn nảy sinh một số khó khăn, hạn chế như sau:

1. Việc xây dựng nhà sinh hoạt văn hoá cộng đồng có chiều hướng chững lại, theo số liệu thống kê của Sở VH-TT-DL qua 3 năm thực hiện nghị quyết kết quả chỉ đạt 15% so với kế hoạch, xuất phát từ nguyên nhân:

- Việc quy định tỷ lệ đóng góp trong dân khá cao (nghị quyết 05 quy định: Khu vực đồng bằng nông thôn, ngân sách Nhà nước hỗ trợ 40%, nhân dân đóng góp 60%; Khu vực đô thị, ngân sách Nhà nước hỗ trợ 30%, nhân dân đóng góp 70%) nên việc huy động nguồn lực trong dân gặp nhiều khó khăn.

Đặc biệt riêng thành phố Đông Hà là địa bàn đã ban hành và thực hiện tốt chính sách địa phương về xây dựng nhà văn hoá cơ sở ngay từ năm 2003 (khi HĐND tỉnh chưa ban hành Nghị quyết 05) với tỷ lệ ngân sách địa phương hỗ trợ 70% và nhân dân đóng góp 30%. Kết quả đến nay đã có 69/83 khu phố có nhà văn hoá. Tuy nhiên, hiện vẫn còn 14 khu phố chưa có nhà văn hoá để sinh hoạt, thực tế cho thấy đây là những khu phố có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo chiếm tỷ lệ khá cao, thu nhập không ổn định, có nơi mật độ dân cư thưa thớt (dưới 100 hộ dân), do vậy nếu quy định tỷ lệ đóng góp theo Nghị quyết 05 thì các khu phố sẽ rất khó khăn trong xây dựng nhà văn hoá để làm nơi sinh hoạt.

- Việc bố trí kinh phí thực hiện Nghị quyết không đảm bảo tiêu chí đề ra, theo nghị quyết hàng năm ngân sách tỉnh phải bố trí 13 tỷ đồng cho xây dựng nhà văn hoá cơ sở, tuy nhiên thực tế ngân sách tỉnh bố trí chỉ đáp ứng được 12-15% so với kế hoạch (năm 2010: 2 tỷ đồng; năm 2011: 1,2 tỷ đồng; năm 2012: 1,5 tỷ đồng).

2. Công tác quy hoạch quỹ đất cho xây dựng các thiết chế văn hoá, thể thao chưa được các địa phương quan tâm đúng mức hoặc có quy hoạch nhưng không

đảm bảo tiêu chí nhà văn hoá đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hoá-Thể thao-Du lịch. Thậm chí một số nơi tuy có kinh phí nhưng do thiếu quỹ đất nên chưa xây dựng được nhà văn hoá.

## **II. Về nội dung:**

Về cơ bản, Ban VHXH nhất trí với các nội dung đề nghị sửa đổi và có ý kiến như sau:

### **1. Về tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết:**

- Báo cáo chưa đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 05 đầy đủ theo các tiêu chí đã đề ra trong nghị quyết, trong đó chưa thống kê các số liệu cụ thể như: Các địa phương đã thực hiện quy hoạch quỹ đất cho xây dựng các thiết chế văn hoá, thể thao; Số thiết chế văn hoá thể thao đã được xây dựng, tỷ lệ nhà văn hoá đạt chuẩn, chưa đạt chuẩn theo từng huyện, thị xã, thành phố; Hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hoá trên địa bàn; Thống kê tỷ lệ kinh phí đầu tư cho xây dựng thiết chế văn hoá (bao gồm các nguồn: Nguồn ngân sách tỉnh; Ngân sách địa phương; Nhân dân đóng góp; Nguồn khác).

### **2. Về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:**

a) Đề nghị bổ sung thêm các chỉ tiêu sau: Đến năm 2015:

- Đối với vùng đồng bằng: 50% người dân nông thôn tham gia thường xuyên vào các hoạt động văn hoá, thể thao; 70% nhà văn hoá và khu thể thao xã, 70% nhà văn hoá và khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ VH-TT-DL; 70% gia đình giữ vững và phát huy danh hiệu “Gia đình văn hoá”, trong đó có 15% gia đình văn hoá ở nông thôn làm giàu từ nông nghiệp hàng hoá;

- Đối với vùng miền núi, hải đảo, biên giới: 30% người dân nông thôn tham gia thường xuyên vào các hoạt động văn hoá, thể thao; 50% nhà văn hoá và khu thể thao xã, 50% nhà văn hoá và khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ VH-TT-DL; 60% gia đình giữ vững và phát huy danh hiệu “Gia đình văn hoá”, trong đó có 5% gia đình văn hoá ở nông thôn làm giàu từ nông nghiệp hàng hoá;

(Đây là các chỉ tiêu theo Quyết định 22/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 5/01/2010 về Phát triển văn hoá nông thôn đến năm 2015, định hướng đến năm 2020)

b) Về nguồn lực thực hiện chính sách hỗ trợ xây dựng nhà văn hoá làng, bản, khu phố (hoặc Trung tâm học tập cộng đồng), Ban VHXH đề nghị điều chỉnh như sau:

Mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Đối với nhà văn hoá khu vực miền núi: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 80%; Nhân dân đóng góp 20%;

- Đối với nhà văn hoá khu vực nông thôn, đô thị: Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ 50%; Nhân dân đóng góp, ngân sách cấp huyện, cấp xã và các nguồn khác 50%;

Như vậy, để nghị quyết triển khai thực hiện có hiệu quả, Ban VHXH đề nghị UBND tỉnh:

- Hàng năm, trình HĐND tỉnh quyết định nguồn ngân sách thực hiện nghị quyết.

- Căn cứ quy mô mật độ dân số của làng, bản, khu phố để hỗ trợ xây dựng nhà văn hoá phù hợp.

Ban VHXH đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết “Sửa đổi Nghị quyết 05/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển sự nghiệp văn hoá, thể dục, thể thao, xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở và phát triển thể thao thành tích cao đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020”.

**E. Về các dự thảo Nghị quyết:**

Sau khi nghiên cứu các dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh, Ban VHXH nhận thấy:

- Về hình thức: Các dự thảo nghị quyết đều đảm bảo quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật, có thẩm định của Sở Tư pháp.

- Về nội dung: Ban VHXH cơ bản nhất trí với những nội dung mà các dự thảo Nghị quyết đề ra, đồng thời đề nghị HĐND tỉnh nghiên cứu, xem xét các nội dung mà Ban đã thẩm tra đề bổ sung vào Nghị quyết cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá Xã hội về một số báo cáo, đề án. Kính trình kỳ họp thứ 4, HĐND tỉnh khóa VI xem xét quyết định. /

*Nơi nhận:*

- TVTU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh, ĐB mời kỳ 4;
- Lưu: VT.

15/11

**TM. BAN VĂN HÓA XÃ HỘI  
TRƯỞNG BAN**



*(Handwritten signature)*  
**Nguyễn Văn Hùng**